

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục gồm 121 thủ tục hành chính ban hành mới; 54 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và 17 thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc lĩnh vực công thương thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia (có hiệu lực từ ngày 01/7/2025);

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1752/QĐ-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ

sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới được ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục gồm 121 thủ tục hành chính ban hành mới; 54 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và 17 thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc lĩnh vực công thương thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương theo Quyết định số 1752/QĐ-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025; Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương của Bộ trưởng Bộ Công Thương (*danh mục chi tiết kèm theo*).

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.
2. Quyết định này sửa đổi, bổ sung các Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2016; Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2025; Quyết định số 1137/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2020; Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2024. Bãi bỏ các Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2025; Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương có trách nhiệm
 - a. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện cập nhật, công khai thủ tục hành chính được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Điều 1 của Quyết định này trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính; xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của cơ quan theo quy định.
 - b. Niêm yết, công khai thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan.
 - c. Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã theo quy định.
2. Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện cập nhật, niêm yết công khai thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã, trên Trang thông tin điện tử theo quy định.
3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân

cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3; *MLT*
- Văn phòng Chính phủ - Cục KSTT;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Văn phòng UBND tỉnh (Phòng HCQT, CNXD, KTTH);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

CHỦ TỊCH



Rah Lan Chung

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG;
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BỎ TRONG LĨNH VỰC THUỘC LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 651 /QĐ-UBND ngày 26/ 6 /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (156 TTHC)
A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI (121 TTHC)

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 1752/QĐ-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025; Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương								
I. Lĩnh vực Xuất nhập khẩu (27 TTHC)								
1	Thủ tục gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh (1.013778)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
2	Thủ tục cấp Giấy phép cho thương nhân được ký hợp đồng đại lý mua, bán hàng hóa xuất khẩu theo giấy phép (1.013779)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.	Cấp tỉnh
3	Thủ tục cấp phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế (1.001419)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 100/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2020 của	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.	
4	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam (1.000350)	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Không	- Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; - Nghị định số 90/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định về quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							- Thông tư số 28/2012/TT-BCT ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết về việc đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam.	
5	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam (1.005405)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Không	- Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; - Nghị định số 90/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 28/2012/TT-BCT ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
6	Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam (1.005406)	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Không	- Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; - Nghị định số 90/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 28/2012/TT-BCT ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.	Cấp tỉnh
7	Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu các mặt hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh (nhưng không phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh) (1.003438)	17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	
8	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất (1.001062)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh,	Có	Toàn trình	Không	- Luật Thương mại; - Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương	
9	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác (1.000957)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Không	- Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 08/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	Cấp tỉnh
10	Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập (1.000905)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Không	- Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							tháng 5 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 08/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	
11	Thủ tục Giấy phép kinh doanh chuyên khẩu (1.000890)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Không	- Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							- Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 08/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	
12	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh (1.004155)	Tối thiểu 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Không	- Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 08/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 3 năm	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	
13	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt (1.004181)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Không	- Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 08/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	Cấp tỉnh
14	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Không	- Luật Thương mại; - Luật Quản lý ngoại thương năm 2017;	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
	(2.001758)						- Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	
15	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất (1.000551)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Không	- Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 08/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	
16	Thủ tục cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật (1.000477)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Không	- Luật Thương mại; - Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương. - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương	

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
17	Cấp phép nhập khẩu mặt hàng có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh nhưng không phục vụ quốc phòng, an ninh (1.013991)	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, cơ quan cấp phép xin ý kiến các cơ quan liên quan. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến, các cơ quan liên quan có văn bản trả lời cơ quan cấp phép. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến trả lời của các cơ quan liên quan, cơ quan cấp phép có văn bản trả lời về việc cho phép hay không cho phép nhập khẩu hàng hóa. Trường hợp không cho phép, phải nêu rõ lý do	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Không	- Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương. - Nghị định số 36/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ về quản lý tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. - Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương	
18	Cấp phép nhập khẩu tự động thuốc lá điếu, xì gà (1.000363)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Không	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Thông tư số 37/2013/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định nhập khẩu thuốc lá điếu, xì gà - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
19	Cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt (1.004181)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Không	- Luật Thương mại; - Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương. - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	
20	Cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh (1.004155)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Không	- Luật Thương mại; - Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	
21	Cấp Chứng thư xuất khẩu cho hàng dệt may xuất khẩu sang Mêhico (1.000400)	Trong thời hạn 08 (tám) giờ làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, cơ quan cấp Chứng thư xuất khẩu thông báo trên hệ thống điện tử kết quả xét duyệt hồ sơ như sau: a) Trường hợp đáp ứng cấp Chứng thư xuất khẩu, cơ quan cấp chứng thư xuất khẩu thông báo cho thương nhân qua hệ thống điện tử và trả Chứng thư xuất khẩu qua bưu điện hoặc trả trực tiếp theo đăng ký của thương nhân trên hệ thống điện tử trong thời	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Hệ thống điện tử của Bộ Công Thương	Không	- Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương. - Thông tư số 07/2019/TT-BCT ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất khẩu hàng dệt may sang Mê-hi-cô theo CPTPP. - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
		hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày thông báo chấp nhận cấp Chứng thư xuất khẩu. b) Trường hợp không cấp Chứng thư xuất khẩu, Bộ Công Thương thông báo và nêu rõ lý do trên hệ thống điện tử. Đối với hồ sơ cần bổ sung, sửa đổi, thời hạn nộp bổ sung, sửa đổi hồ sơ là 02 (hai) ngày làm việc kể từ khi thương nhân nhận được thông báo; quá thời hạn trên hệ thống điện tử sẽ tự động hủy bỏ hồ sơ này					Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.	
22	Thủ tục Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu (1.000890)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Không	- Luật Thương mại; - Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							tháng 5 năm 2018 của Chính phủ - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	
23	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương (1.001238)	Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày thương nhân nộp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Không	- Luật Thương mại; - Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	
24	Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương (1.001104)	Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày thương nhân nộp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Không	- Luật Thương mại; - Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							tháng 6 năm 2025 của Chính phủ - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	
25	Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm xuất, tái nhập; Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu (1.004191)	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Không	- Luật Thương mại; - Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							- Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	
26	Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất (1.000551)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Không	- Luật Thương mại; - Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	
27	Đăng ký Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan xuất khẩu mật ong tự nhiên sang Nhật Bản (1.000264)	(03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Không	- Thông tư số 28/2009/TT-BCT ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương xác nhận hạn ngạch thuế quan đối với mật ong tự nhiên nhập khẩu vào Nhật Bản theo Hiệp định giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về đối tác kinh tế. - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	Cấp tỉnh

II. Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng (12 TTHC)

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
28	Nhượng bán, xuất khẩu, tái xuất, thanh lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá (1.013780)	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.	Cấp tỉnh
29	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên) (1.004021)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại	
30	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên) (1.003992)	- Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp. - Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	Cấp tỉnh
31	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ.	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
	mô từ 3 triệu lít/năm trở lên) (1.004007)						- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	
32	Nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá (1.000667)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							- Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương	
33	Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá (1.000981)	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							tháng 6 năm 2013 của Chính phủ - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương. - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương	

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
34	Cấp lại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá (1.000948)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương - Thông tư số 38/2025/TT-	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương	
35	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá (1.000911)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ;	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương	
36	Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại (2.000209)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							tháng 02 năm 2020 của Chính phủ; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương	
37	Chấp thuận đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu, di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá (1.000162)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của CP; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							tháng 01 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương	
38	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ;	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
	khẩu sản phẩm thuốc lá (1.000172)						- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ; - Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương	
39	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu (1.000949)	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. - Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi	

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương	
III. Lĩnh vực An toàn vệ sinh lao động (02 TTHC)								
40	Cấp chứng chỉ kiểm định viên (1.000140)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Không quy định	- Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động,	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							- Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến các điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Nghị định số 04/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; - Thông tư số 09/2017/TT-BCT ngày 13 tháng 7 năm	

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương, - Thông tư số 37/2018/TT-BCT ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về quản lý an toàn và kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương. - Thông tư số 18/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của các Thông tư quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động	

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại	
41	Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên (1.000066)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Không quy định	- Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ, - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 04/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2017/TT-BCT ngày 13 tháng 7 năm	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 37/2018/TT-BCT ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 18/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	
IV. Lĩnh vực Hóa chất (20 TTHC)								
42	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1 (1.003820)	16 (mười sáu) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần).	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	Thực hiện theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
						lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.	trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.	
43	Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1 (1.003775)	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Thực hiện theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
44	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1 (2.001585)	16 (mười sáu) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần).	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	Thực hiện theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	Cấp tỉnh
45	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2 và hóa chất Bảng 3 (1.003724)	16 (mười sáu) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần).	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	Thực hiện theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
46	Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2 và hóa chất Bảng 3 (2.001722)	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Thực hiện theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	Cấp tỉnh
47	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 (1.004031)	16 (mười sáu) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần).	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	Thực hiện theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
48	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1 (2.000431)	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Thực hiện theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	Cấp tỉnh
49	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3 (2.000257)	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Thực hiện theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
50	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1 (1.012429)	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	Thực hiện theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	Cấp tỉnh
51	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1 (1.012430)	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Thực hiện theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
52	Cấp gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1 (1.012431)	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Thực hiện theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	Cấp tỉnh
53	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3 (1.012432)	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Thực hiện theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
54	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3 (1.012433)	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Thực hiện theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	Cấp tỉnh
55	Cấp Gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3 (1.012434)	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Thực hiện theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
56	Cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 (1.012438)	16 (mười sáu) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần).	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	Thực hiện theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	Cấp tỉnh
57	Cấp lại Giấy phép kinh doanh hoá chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3 (1.012439)	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Thực hiện theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
58	Cấp điều chỉnh Giấy phép kinh doanh hoá chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3 (1.012440)	16 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	Thực hiện theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	Cấp tỉnh
59	Cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3 (1.012441)	16 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần).	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	Thực hiện theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
60	Cấp lại Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3 1.012442	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Thực hiện theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	Cấp tỉnh
61	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3 (1.012443)	16 (mười sáu) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	Thực hiện theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							

V. Lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (12 TTHC)

62	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định (2.000604)	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	-	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của	Cấp tỉnh
----	--	------------------	--	----	------------	---	--	----------

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ	

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.	
63	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định (2.001675)	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	-	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							tháng 11 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.	
64	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định (2.001665)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	-	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ;	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							- Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.	
65	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm (1.001271)	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Không có	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; + Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	
66	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm (2.000618)	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Không có	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ;	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	
67	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm (2.000613)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Không có	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							tháng 11 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	
68	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định (1.000878)	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Không có	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ;	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;	
69	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định (2.000401)	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Không có	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;	Cấp tỉnh
70	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận	Trung tâm Phục vụ	Có	Toàn trình	Không có	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007 và Nghị định số	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
	(2.000251)	được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	hành chính công tỉnh				132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;	
71	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận (1.001292)	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Không có	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ;	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương	
72	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận (2.000628)	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Không có	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	
73	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận (2.000624)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Không có	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ;	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	
VI. Lĩnh vực Thương mại điện tử (03 TTHC)								
74	Thông báo ứng dụng thương mại điện tử bán hàng (1.003.390)	Không quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Không có	- Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 05 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử; - Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP.	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.	
75	Đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử (1.000.880)	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Không có	- Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 05 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử; - Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
76	Thông báo website thương mại điện tử bán hàng (2.000.243)	Không quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Không có	- Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 05 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử; - Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.	Cấp tỉnh
VII. Lĩnh vực Quản lý bán hàng đa cấp (03 TTHC)								
77	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp (2.001573)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Không quy định	- Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp;	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							- Nghị định số 18/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.	
78	Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp (1.003705)	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Không quy định	- Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 18/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi bổ sung	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							một số điều của Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ;. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ	
79	Xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương (2.000324)	15 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm tra kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	Không quy định	- Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 18/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ;. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ	Cấp tỉnh

VIII. Lĩnh vực Kinh doanh khí (15 TTHC)

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
80	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG. (2.001424)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Thương nhân.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc quản lý nhà nước của.	Cấp tỉnh
81	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG. (1.000491)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ	Cấp tỉnh
82	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG. (1.000510)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ	
83	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG. (1.005184)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ	Cấp tỉnh
84	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG. (1.000649)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ	Cấp tỉnh
85	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG. (1.005372)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
86	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG. (1.000706)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ	Cấp tỉnh
87	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG. (2.000146)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ	Cấp tỉnh
88	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG. (1.000387)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ	Cấp tỉnh
89	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG. (1.000475)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							Chính phủ về kinh doanh khí. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương	
90	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG (1.000455)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương	Cấp tỉnh
91	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
	(1.000742)						Chính phủ về kinh doanh khí. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương	
92	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini (2.000304)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương	Cấp tỉnh
93	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini (1.000709)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
95	Cấp Giấy phép phân phối rượu. (1.003977)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Thương nhân.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về kinh doanh rượu, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2017. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương	Cấp tỉnh
96	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối rượu. (1.005376)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ.	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
97	Cấp lại Giấy phép phân phối rượu (1.003101)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ.	Cấp tỉnh
98	Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá (1.001338)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Thương nhân.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương	
99	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá (1.001323)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Thương nhân.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương	
100	Cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá (2.000598)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Thương nhân.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
X. Lĩnh vực Xúc tiến thương mại (02 TTHC)								
101	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại nước ngoài (2.000026)	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Không quy định	- Luật Thương mại; - Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại. - Nghị định số 128/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
102	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài (2.000133)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Không quy định	- Luật Thương mại; - Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 128/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	Cấp tỉnh
XI. Lĩnh vực Thương mại quốc tế (05 TTHC)								
103	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (1.000376)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	-	- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Thông tư số 03/2024/TT-BCT ngày 30 tháng 01 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua	

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương	
104	Cấp lại Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (1.000361)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	-	- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ Công Thương. - Thông tư số 03/2024/TT-BCT ngày 30/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
105	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (2.000129)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	-	- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ Công Thương. - Thông tư số 03/2024/TT-BCT ngày 30/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương	Cấp tỉnh
106	Gia hạn Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (1.000358)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	-	- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							2016 của Bộ Công Thương. - Thông tư số 03/2024/TT-BCT ngày 30/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương	
107	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (1.000168)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	-	- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ Công Thương. - Thông tư số 03/2024/TT-BCT ngày 30/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							- Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương	
XII. Lĩnh vực Dầu khí (01 TTHC)								
108	Chấp thuận các tài liệu an toàn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh (1.013996)	20 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	Không	- Quyết định số 04/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về quản lý an toàn trong hoạt động dầu khí; - Thông tư số 40/2018/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xây dựng và nội dung các tài liệu quản lý an toàn trong hoạt động dầu khí; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.	
XIII. Lĩnh vực Chất lượng sản phẩm hàng hóa (02 TTHC)								
109	Cấp Quyết định thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực được chỉ định (1.013989)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả hành động khắc phục theo biên bản đánh giá thực tế, nếu tổ chức đánh giá sự phù hợp đáp ứng yêu cầu theo quy định, cơ quan chỉ định ban hành quyết định chỉ định cho tổ chức đánh giá sự phù hợp theo quy định tại Mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	Không có	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	
110	Cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp (1.013990)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan chỉ định xem xét, cấp lại quyết định chỉ định. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu, cơ quan chỉ định có văn bản trả lời và nêu rõ lý do	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	Không có	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							- Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	

XIV. Lĩnh vực Khoa học công nghệ (01 TTHC)

111	Cấp Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp (2.000147)	Trong thời hạn 20 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan chỉ định tổ chức đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù hợp thông qua việc cử chuyên gia hoặc thành lập đoàn đánh giá. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả hành động khắc phục theo biên bản đánh giá thực tế, nếu tổ chức đánh giá sự phù hợp đáp ứng yêu cầu theo quy định, cơ quan chỉ định ban hành quyết định chỉ định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	Không có	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định	Cấp tỉnh
-----	--	--	--	----	----------	----------	---	----------

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
		cho tổ chức đánh giá sự phù hợp theo quy định					số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ; - Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của của Chính phủ	
XV. Lĩnh vực An toàn thực phẩm (10 TTHC)								
112	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm (2.001293)	22 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ công thương - Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 2 năm 2020 của Chính phủ sửa	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ công thương - Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật an toàn thực phẩm - Thông tư 43/2018/TT-BCT ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải - Thông tư 13/2020/TT-BCT ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết luật chăn nuôi - Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương	

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
113	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm (2.001278)	- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ. - Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ. - Trường hợp cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ. - Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ - Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 2 năm 2020 của Chính phủ - Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ - Thông tư 43/2018/TT-BCT ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ - Thông tư 13/2020/TT-BCT ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ - Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
		bị mất hoặc bị hỏng: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ. - Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại hợp lệ.						
114	Đăng ký chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước (2.001682)	30 ngày làm việc (chưa bao gồm thời gian đánh giá cơ sở kiểm nghiệm)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Thông tư 27/2016/TT-BCT ngày 5 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương - Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ công thương - Thông tư 40/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương Quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương	

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							- Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm - Nghị định 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật - Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa - Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc	

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							phạm vi quản lý của Bộ Công Thương	
115	Đăng ký gia hạn chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước (1.003951)	30 ngày làm việc (chưa bao gồm thời gian đánh giá cơ sở kiểm nghiệm).	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Thông tư 27/2016/TT-BCT ngày 5 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công Thương - Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Bộ Công Thương - Thông tư 40/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương - Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ - Nghị định 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ - Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ - Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
116	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước (2.001660)	30 ngày làm việc (chưa bao gồm thời gian đánh giá cơ sở kiểm nghiệm).	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Thông tư 27/2016/TT-BCT ngày 5 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công Thương - Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Bộ Công Thương - Thông tư 40/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương - Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ - Nghị định 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ - Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ - Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương	Cấp tỉnh
117	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	45 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Thông tư 27/2016/TT-BCT ngày 5 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công Thương	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
	(1.003860)						- Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Bộ Công Thương - Thông tư 40/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương - Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ - Nghị định 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ - Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ - Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương	
118	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm (2.001595)	30 ngày làm việc (chưa bao gồm thời gian đánh giá cơ sở kiểm nghiệm) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Thông tư 27/2016/TT-BCT ngày 5 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công Thương - Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Bộ Công Thương	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							- Thông tư 40/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương - Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ - Nghị định 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ - Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ - Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương	
119	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm (1.003929)	30 ngày làm việc (chưa bao gồm thời gian đánh giá cơ sở kiểm nghiệm) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Thông tư 27/2016/TT-BCT ngày 5 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công Thương - Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Bộ Công Thương - Thông tư 40/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							- Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ - Nghị định 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ - Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ - Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương	
120	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm (2.000117)	22 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ công thương;	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							- Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 2 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ công thương; - Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ; - Thông tư 43/2018/TT-BCT ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải - Thông tư 13/2020/TT-BCT ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết luật chăn nuôi - Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm	

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							2025 của Bộ Công Thương;	
121	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm (2.000115)	- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ. - Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ. - Trường hợp cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 2 năm 2020 của Chính phủ; - Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ; - Thông tư 43/2018/TT-BCT ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ - Thông tư 13/2020/TT-BCT ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết luật chăn nuôi - Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương;	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
		- Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất hoặc bị hỏng: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ. - Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại hợp lệ.						
TỔNG SỐ: 121 TTHC								

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI BỔ SUNG (35 TTHC)

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 1752/QĐ-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025; Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương									
I. Lĩnh vực Điện (03 TTHC)									
1	Cấp Giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.013411)	Trong thời hạn 14 ngày từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	Căn cứ pháp lý	Theo quy định tại Thông tư số 106/2020/TT-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định	- Luật Điện lực ngày 30/11/2024; - Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật	-

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
							mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực và các văn bản sửa đổi, thay thế.	Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực. - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại.	
2	Cấp Giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.013412)	Trong thời hạn 14 ngày từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	Căn cứ pháp lý	Theo quy định tại Thông tư số 106/2020/TT-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực và các văn bản sửa đổi, thay thế.	- Luật Điện lực ngày 30/11/2024; - Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực. - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong	-

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
								lĩnh vực công nghiệp, thương mại.	
3	Cấp Giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.013416)	Trong thời hạn 14 ngày từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	Căn cứ pháp lý	Theo quy định tại Thông tư số 106/2020/TT-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực và các văn bản sửa đổi, thay thế.	- Luật Điện lực ngày 30/11/2024; - Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực. - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại.	-
II. Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (02 TTHC)									
4	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ	Có	Một phần	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính;	Không quy định.	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
	công nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương (2.000229)		hành chính công tỉnh, địa chỉ			- Thời hạn giải quyết; - Căn cứ pháp lý;		42/2024/QH15; - Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuộc nổ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại; - Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định	

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
								về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.	
5	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương (2.000210)	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Công Thương cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính; - Căn cứ pháp lý;	Không quy định.	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15; - Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.	Cấp tỉnh

III. Lĩnh vực Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý (01 TTHC)

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
6	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ (1.012569)	- Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định: cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định thu hồi đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính; - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính; - Căn cứ pháp lý;	Không quy định.	- Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ. - Nghị định 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý của Bộ Tài chính.	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
		- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi tài sản không phù hợp.							

IV. Lĩnh vực Thương mại quốc tế (16 TTHC)

7	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư	10 ngày làm việc kể từ	Trung tâm Phục vụ	Có	Toàn trình	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính;	Không quy định.	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;	Cấp tỉnh
---	--	------------------------	-------------------	----	------------	--	-----------------	---	----------

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
	nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa (2.000255)	ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	hành chính công tỉnh			- Căn cứ pháp lý;		- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức	

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
								kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.	
8	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn (2.000370)	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính; - Căn cứ pháp lý;	Không quy định.	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
								- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.	

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
9	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí (2.000362)	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính; - Căn cứ pháp lý;	Không quy định.	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
10	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP (2.000351)	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính; - Căn cứ pháp lý;	Không quy định.	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
11	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (2.000340)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính; - Căn cứ pháp lý;	Không quy định.	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
12	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (2.000330)	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính; - Căn cứ pháp lý;	Không quy định.	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
13	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP (2.000272)	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính; - Căn cứ pháp lý;	Không quy định.	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
14	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) (2.000361)	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính; - Căn cứ pháp lý;	Không quy định.	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
15	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) (1.000774)	55 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục ENT	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính; - Căn cứ pháp lý;	Không quy định.	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
16	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (2.000339)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính; - Căn cứ pháp lý;	Không quy định.	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
17	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ² (2.000334)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh,	Có	Toàn trình	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính; - Căn cứ pháp lý;	Không quy định.	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
18	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại (2.000322)	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh,	Có	Toàn trình	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính; - Căn cứ pháp lý;	Không quy định.	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
19	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini (2.002166)	55 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính; - Căn cứ pháp lý;	Không quy định.	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
20	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (2.000665)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh,	Có	Toàn trình	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính; - Căn cứ pháp lý;	Không quy định.	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
21	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (1.001441)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh,	Có	Toàn trình	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính; - Căn cứ pháp lý;	Không quy định.	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
22	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động (2.000662)	55 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh,	Có	Toàn trình	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính; - Căn cứ pháp lý;	Không quy định.	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	Cấp tỉnh

V. Lĩnh vực An toàn đập, hồ chứa thủy điện (02 TTHC)

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
23	Thẩm định, phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.013399)	- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận tổ chức thẩm định và trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt. Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị phê duyệt để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh,	Có	Toàn trình	- Trình tự thực hiện; - Căn cứ pháp lý;	Không quy định.	- Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
		- Cơ quan thẩm quyền phê duyệt có trách nhiệm phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt của cơ quan thẩm định.							
24	Điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.013400)	- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận tổ chức	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh,	Có	Toàn trình	- Trình tự thực hiện; - Căn cứ pháp lý;	Không quy định.	- Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
		thẩm định và trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt. Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị phê duyệt để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Cơ quan thẩm quyền phê duyệt có trách nhiệm phê duyệt phương án bảo vệ đập,						Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.	

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
		hồ chứa thủy điện trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt của cơ quan thẩm định.							
VI. Lĩnh vực Cụm công nghiệp (01 TTHC)									
25	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp (1.012427)	Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Nghị định số 32/2014/NĐ-CP, trong đó thời hạn giải quyết: Bước 1 thực hiện trong 5 ngày làm việc để	Bộ phận Một cửa cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Có	Toàn trình	- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính; - Căn cứ pháp lý;	Không	- Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp. - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa	Cấp tỉnh/ Sở Công Thương/ Cấp xã

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
		thông báo tiếp nhận hồ sơ và 15 ngày để nhận hồ sơ; Bước 2 thực hiện trong 5 ngày làm việc; Bước 3 thực hiện trong 25 ngày; Bước 4 thực hiện trong 7 ngày làm việc.						phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Thông tư số 14/2024/TT-BCT ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chế độ báo cáo định kỳ về cụm công nghiệp, cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước và một số mẫu văn bản về quản lý, phát triển cụm công nghiệp	
VII. Lĩnh vực Công nghiệp nặng (01 TTHC)									
26	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận	Trung tâm Phục vụ hành chính	Có	Một phần	- Tên TTHC, Mã TTHC; - Trình tự thực hiện;	Không	- Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
	công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa (1.001158)	đầy đủ hồ sơ hợp lệ, các giải trình thông tin hồ sơ của doanh nghiệp và kết quả kiểm tra thực tế (nếu có) đạt yêu cầu, Cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp Giấy xác nhận ưu đãi cho doanh nghiệp.	công tỉnh			- Thành phần, số lượng hồ sơ; - Thời hạn giải quyết; - Đối tượng thực hiện; - Cơ quan giải quyết TTHC; - Yêu cầu, điều kiện thực hiện; - Căn cứ pháp lý		triển công nghiệp hỗ trợ - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại - Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định trình tự, thủ tục xác nhận ưu đãi và hậu kiểm ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển.	

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
								- Thông tư số 19/2021/TT-BCT ngày 23/11/2021 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2015	
VIII. Lĩnh vực Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (01 TTHC)									
27	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương (2.000191)	30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và có thể được gia hạn thêm tối đa không quá 30 ngày trong trường hợp phức tạp	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	Căn cứ pháp lý	Không quy định	- Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ngày 20 tháng 6 năm 2023; - Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của	-

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
								Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. - Thông tư số 42/2025/TT-BCT ngày 22/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.	
IX. Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (05 TTHC)									
28	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh (2.001434)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	- Tên TTHC; - Cơ quan thực hiện; - Căn cứ pháp lý	Theo quy định tại Thông tư số 148/2016/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 53/2019/TT-BTC	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15. - Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
								định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương. - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2027 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	
29	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (2.001433)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	- Tên TTHC; - Cơ quan thực hiện; - Căn cứ pháp lý	Theo quy định tại Thông tư số 148/2016/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 53/2019/TT-BTC	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15. - Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2027	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
								của Bộ trưởng Bộ Công Thương	
30	Cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân Tỉnh (1.013058)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	- Tên TTHC; - Cơ quan thực hiện; - Căn cứ pháp lý	Theo quy định tại Thông tư số 148/2016/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 53/2019/TT-BTC	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15. - Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2027 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	Cấp tỉnh
31	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ (1.000998)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	- Cơ quan thực hiện; - Căn cứ pháp lý	Không quy định	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15. - Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
								của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2027 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	
32	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ (1.000965)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Một phần	- Cơ quan thực hiện; - Căn cứ pháp lý	Không quy định	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15. - Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2027 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
33	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại (1.005190)	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận bộ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	- Cơ quan thực hiện; - Căn cứ pháp lý;	Không có	- Nghị định số 20/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 02 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về kinh doanh dịch vụ giám định thương mại; - Nghị định số 125/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung quy định về dịch vụ giám định thương mại tại Nghị định số 120/2011/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2011 và Nghị định số 20/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 02 năm 2006;	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
								- Thông tư số 01/2015/TT-BCT ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thủ tục đăng ký dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	
34	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại (2.000110)	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận bộ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	- Cơ quan thực hiện; - Căn cứ pháp lý;	Không có	- Nghị định số 20/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 02 năm 2006 của Chính phủ; - Nghị định số 125/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 12	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
								năm 2014 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2015/TT-BCT ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	
XI. Lĩnh vực Khoa học công nghệ (01 TTHC)									
35	Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng (2.000046)	Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký công bố hợp quy	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Có	Toàn trình	- Cơ quan thực hiện; - Căn cứ pháp lý;	Không có	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;	Cấp tỉnh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
								- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ;	

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
								- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	
TỔNG SỐ: 35 TTHC									

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (07 TTHC)
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (07 TTHC)

STT	Tên TTHC	Mức độ thực hiện DVC trực tuyến	Cấp thực hiện TTHC	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
	Mã số TTHC				
Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 1752/QĐ-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương					
Lĩnh vực An toàn đập, hồ chứa thủy điện (07 TTHC)					
1	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện (2.002742)	Toàn trình	Cấp huyện	- Luật Điện lực số 61/2024/QH15. - Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.	Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2025
2	Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của của Ủy ban nhân dân cấp huyện (2.002743)	Toàn trình	Cấp huyện	- Luật Điện lực số 61/2024/QH15. - Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.	Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2025
3	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện. (1.000473)	Toàn trình	Cấp huyện	- Luật Điện lực số 61/2024/QH15. - Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.	Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2025

STT	Tên TTHC	Mức độ thực hiện DVC trực tuyến	Cấp thực hiện TTHC	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
	Mã số TTHC				
4	Điều chỉnh phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện (2.002744)	Toàn trình	Cấp huyện	- Luật Điện lực số 61/2024/QH15. - Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.	Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2025
5	Thẩm định, phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện (2.002745)	Toàn trình	Cấp huyện	- Luật Điện lực số 61/2024/QH15. - Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.	Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2025
6	Điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện (2.002746)	Toàn trình	Cấp huyện	- Luật Điện lực số 61/2024/QH15. - Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.	Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2025
7	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện. (2.000599)	Một phần	Cấp huyện	- Luật Điện lực số 61/2024/QH15 - Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực	Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 22/5/2019
TỔNG SỐ: 07 TTHC					

III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (17 TTHC)

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI BỔ SUNG (17 TTHC)

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 1752/QĐ-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương									
I. Lĩnh vực Kinh doanh khí (03 TTHC)									
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai. (2.001283)	13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Một cửa cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Có	Một phần	- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính; - Căn cứ pháp lý	Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về	-

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
								phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.	
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai. (2.001270)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Một cửa cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Có	Toàn trình	- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính; - Căn cứ pháp lý	Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	-
3	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai. (2.001261)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Một cửa cấp xã/Trung tâm Phục	Có	Toàn trình	- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính; - Căn cứ pháp lý;	Nộp phí theo quy định của pháp luật về	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;	-

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
			vụ hành chính công cấp xã			- Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến.	phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	

II. Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (09 TTHC)

4	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh. (2.000633)	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của thương nhân.	Bộ phận Một cửa cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Có	Một phần	- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính; - Căn cứ pháp lý;	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.	-
---	--	--	---	----	----------	--	---	--	---

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
								- Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.	
5	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh. (1.001279)	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của thương nhân.	Bộ phận Một cửa cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Có	Toàn trình	- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính; - Căn cứ pháp lý;	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	-
6	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất	Trong thời hạn 07 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa	Có	Một phần	- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính;	Theo quy	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	-

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
	rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh. (2.000629)	kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của thương nhân.	cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã			- Căn cứ pháp lý;	định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	
7	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu. (2.000620)	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của thương nhân.	Bộ phận Một cửa cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Có	Toàn trình	- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính; - Căn cứ pháp lý;	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	-

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
8	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu. (2.001240)	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của thương nhân.	Bộ phận Một cửa cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Có	Toàn trình	- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính; - Căn cứ pháp lý	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	-
9	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu. (2.000615)	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của thương nhân.	Bộ phận Một cửa cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Có	Toàn trình	- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính; - Căn cứ pháp lý	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP	-

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
								ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	
10	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (2.000181)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Thương nhân.	Bộ phận Một cửa cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Có	Toàn trình	- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính; - Căn cứ pháp lý	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.	-

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
								- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ	

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
								sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương. - Nghị định 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương	
11	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (2.000162)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Thương nhân.	Bộ phận Một cửa cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính	Có	Toàn trình	- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính; - Căn cứ pháp lý	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ;	-

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
			công cấp xã					- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương - Nghị định 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	
12	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (2.000150)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Thương nhân.	Bộ phận Một cửa cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính	Có	Toàn trình	- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính; - Căn cứ pháp lý	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ;	-

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
			công cấp xã					- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương - Nghị định 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	
III. Lĩnh vực Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do nhà nước đầu tư quản lý (02 TTHC)									
13	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý (1.012568)	Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với	Bộ phận Một cửa cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành	Có	Một phần	- Tên TTHC; - Trình tự thực hiện; - Thời gian thực hiện; - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính;	Không	- Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.	-

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
		cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương xem xét, quyết định giao tài sản.	chính công cấp xã			- Căn cứ pháp lý;		- Nghị định 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý của Bộ Tài chính.	
14	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ. (1.012569)	- Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định: Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định thực hiện việc thu hồi. - Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định: Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ban	Bộ phận Một cửa cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Có	Một phần	- Trình tự thực hiện; - Đối tượng thực hiện; - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính; - Căn cứ pháp lý;	Không	- Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ. - Nghị định 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực	-

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
		hành Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi tài sản không phù hợp.						quản lý của Bộ Tài chính.	
IV. Lĩnh vực An toàn đập, hồ chứa thủy điện (02 TTHC)									
15	Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện (2.001384)	Trong thời hạn 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức thẩm định: Trường hợp nội dung phương án cấm mốc chỉ giới phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và	Bộ phận Một cửa cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Có	Toàn trình	- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính; - Căn cứ pháp lý;	Không	- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước. - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà	-

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
		đặc điểm nơi xây dựng đập, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phê duyệt. Trường hợp nội dung phương án cấm mốc chỉ giới không phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành hoặc không phù hợp với đặc điểm nơi xây dựng đập, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách						nước của bộ nông nghiệp và môi trường.	

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
		nhiệm ban hành văn bản yêu cầu chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện điều chỉnh, bổ sung phương án cấm móc chỉ giới.							
16	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã (2.000206)	Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt.	Bộ phận Một cửa cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Có	Toàn trình	- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính; - Căn cứ pháp lý;	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.	-

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								

V. Lĩnh vực Công nghiệp địa phương (01 TTHC)

17	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã (2.002096)	Theo Kế hoạch tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo từng kỳ bình chọn.	Bộ phận Một cửa cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Có	Một phần	- Tên TTHC; - Trình tự thực hiện; - Thời hạn giải quyết TTHC; - Cơ quan thực hiện; - Căn cứ pháp lý	Không thu phí	- Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công; - Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; - Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm	-
----	--	--	---	----	----------	---	---------------	---	---

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
								2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.	
TỔNG SỐ: 17 TTHC									